

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG THPT
VÕ NGUYỄN GIÁP**

Số: 131 /QĐ - VNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chiên Đàn, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(V/v công bố công khai giao dự toán thu – chi NSNN năm 2025)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VÕ NGUYỄN GIÁP

Căn cứ Quyết định 2375/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Võ Nguyên Giáp;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND TP Đà Nẵng về việc tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sau khi hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam và Sở Giáo dục và Đào tạo TP Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-SGDĐT ngày 22/10/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc phân bổ, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận tài vụ trường THPT Võ Nguyên Giáp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai phân bổ, bổ sung số liệu dự toán thu – chi NSNN năm 2025 của trường THPT Võ Nguyên Giáp (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, các tổ CM, tổ chức đoàn thể và toàn thể GVNV nhà trường căn cứ quyết định chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu VT- KT



Đào Kim Tân

BIỂU MẪU CÔNG KHAI
(Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)
Biểu mẫu 13

Đơn vị: Trường THPT Võ Nguyên Giáp

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2025

(Kèm theo Quyết định số: 131/QĐ - VNG ngày 24/10/2025 của Trường THPT Võ Nguyên Giáp)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Quỹ tiền lương	
	Chi hoạt động	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (QĐ1129)	16.563.000
	- Điều chỉnh giảm dự toán miễn, giảm học phí theo NĐ81/2021/NĐ-CP	-263.000
	- Bổ sung KP thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo NQ26/2024/NQ-HĐND	1.418.000
	- Bổ sung KP hỗ trợ đối với học sinh theo NQ27/2021/NQ-HĐND và NQ07/2024/NQ-HĐND	7.920.000
	- Bổ sung KP thực hiện chế độ học sinh khuyết tật theo TT42/2013/TTLT/BGDDT-BLĐTBXH-BTC	7.488.000
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	